TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP.ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 57/2024/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Trần Công K, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn P 3, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, Thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông K và bà V cùng sống xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông K và bà V xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống làm ảnh hưởng đến công việc và quyền lợi cá nhân của mỗi người. Hiện nay ông K và bà V sống ly thân được 02 năm. Ông K và bà V cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V xác nhận có 02 con chung là Trần Triệu P, sinh ngày 05/10/2011 và Trần Khánh N, sinh ngày 09/9/2013. Ly hôn, bà V và ông K thoả thuận giao 02 con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu từ tháng 4.2024

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V không yêu cầu Toà án giải quyết..

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung là Trần Triệu P, sinh ngày 05/10/2011 và Trần Khánh N, sinh ngày 09/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Công K sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4.2024.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Công K và bà

Nguyễn Thị Xuân V mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V đã nộp theo biên lai thu số 0001050 ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Trần Công K và bà Nguyễn Thị Xuân V đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện H, Tp.Đà Nẵng;
(Số ĐKKH: 57/2010, ngày 12.7.2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Nam